

REVIEW 4

LANGUAGE

- household	(n) : hộ gia đình
- amount	(n) : lượng, số lượng
- salt	(adj) : muối
- diet	(n) : thực đơn thường ngày
- envelope	(n) : phong bì
- safe	(adj) : an toàn
- solar system	(n) : hệ mặt trời
- close	(adj) : gần, thân thiết
- a bit	: một chút
- poet	(n) : nhà thơ, thi sĩ
- designer	(n) : nhà thiết kế
- protect	(v) : bảo vệ
- breathing problem	(n) : vấn đề về hô hấp

